

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh mút kẹo Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Bánh mút kẹo Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Sơn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên
Bà Dương Ngọc Tuyết	Thành viên
Ông Đỗ Hoài Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vương Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Sơn - Tổng Giám đốc của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Số: 177 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) (không bao gồm Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh) được lập ngày 22 tháng 01 năm 2024, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu của Chi nhánh khách sạn Việt Linh theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC với số tiền khoảng 4,86 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 khoảng 3,9 tỷ VND) mà không căn cứ vào việc đánh giá về khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu Chi nhánh Việt Linh. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán nào khác để thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập cho các khoản công nợ phải thu Chi nhánh Việt Linh, cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty (không bao gồm Chi nhánh Công ty Cổ phần Bán mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 3 và số 28 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính; tại đó mô tả thông tin về việc báo cáo tài chính này không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bán mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.850.185.591	68.354.764.725
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.571.215.023	24.758.563.622
1. Tiền	111		5.571.215.023	7.758.563.622
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	17.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	11.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	10.000.000.000	11.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.320.170.150	6.596.427.241
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.934.720.094	7.725.050.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	576.767.321	1.443.065.406
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.004.053.132	4.761.592.517
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.195.370.397)	(7.333.281.142)
IV. Hàng tồn kho	140	10	16.366.148.037	24.831.133.731
1. Hàng tồn kho	141		16.366.148.037	24.831.133.731
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.592.652.381	1.168.640.131
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	410.627.234	454.734.589
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.182.025.147	574.214.336
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	-	139.691.206
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.839.089.398	23.885.207.471
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000	40.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	45.000.000	40.000.000
II. Tài sản cố định	220		11.477.840.719	12.256.491.074
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.477.840.719	12.256.491.074
- Nguyên giá	222		68.468.531.708	66.766.561.068
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.990.690.989)	(54.510.069.994)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		385.256.770	385.256.770
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	600.000.000	600.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(214.743.230)	(214.743.230)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.930.991.909	11.203.459.627
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	10.930.991.909	11.203.459.627
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		67.689.274.989	92.239.972.196


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		20.730.230.918	44.183.308.368
I. Nợ ngắn hạn	310		14.593.867.652	37.637.854.193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.557.366.118	11.660.632.795
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.418.898.853
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1.778.204.637	3.835.005.962
4. Phải trả người lao động	314		3.923.515.764	6.447.785.573
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.813.324	1.652.397.133
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	409.090.909	409.090.909
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.650.908.665	3.613.914.946
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	7.326.389.045
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.130.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		272.968.235	143.738.977
II. Nợ dài hạn	330		6.136.363.266	6.545.454.175
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	6.136.363.266	6.545.454.175
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.959.044.071	48.056.663.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	46.959.044.071	48.056.663.828
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.500.000.000	17.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.500.000.000	17.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.581.227.440	13.581.227.440
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.877.816.631	16.975.436.388
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.306.607.130	13.278.851.224
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.571.209.501	3.696.585.164
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		67.689.274.989	92.239.972.196


Nguyễn Thị Năm
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		109.031.325.997	130.059.418.724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		665.145.288	1.178.214.824
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	108.366.180.709	128.881.203.900
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	66.417.655.012	78.617.683.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		41.948.525.697	50.263.520.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.666.771.076	1.115.344.282
7. Chi phí tài chính	22	24	155.688.401	71.296.983
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		155.688.401	71.296.983
8. Chi phí bán hàng	25	25	22.644.349.947	24.305.340.173
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	17.704.624.254	21.313.689.798
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.110.634.171	5.688.537.968
11. Thu nhập khác	31		179.823.804	331.001
12. Chi phí khác	32		12.820.637	810.232.334
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		167.003.167	(809.901.333)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.277.637.338	4.878.636.635
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	706.427.837	1.182.051.471
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.571.209.501	3.696.585.164
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.396	2.007


Nguyễn Thị Năm
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Tuấn
Kê toán trưởng



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	115.624.259.250	138.721.167.417
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(73.806.234.461)	(85.671.592.459)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.487.786.776)	(28.837.872.388)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(165.323.105)	(66.067.032)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(292.630.186)	(815.756.172)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.711.254.027	3.809.354.005
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(18.687.955.021)	(15.216.453.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(3.104.416.272)	11.922.779.757
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.821.124.000)	(550.804.500)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.500.000.000)	(11.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.500.000.000	19.500.000.000
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.657.330.718	1.296.714.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	836.206.718	9.245.909.826
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.170.178.596	13.016.694.864
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.496.567.641)	(10.123.493.619)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.592.750.000)	(1.149.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.919.139.045)	1.743.451.245
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(13.187.348.599)	22.912.140.828
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	24.758.563.622	1.846.422.794
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	11.571.215.023	24.758.563.622


Nguyễn Thị Năm
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng




Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103601, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 54A phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 177 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 144 người).

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, Công ty nhận được Thông báo số 2613/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty; ngày giao dịch cuối cùng trên hệ thống giao dịch UPCoM là ngày 24 tháng 8 năm 2023; ngày hủy đăng ký giao dịch là ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo;
- Sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Các ngành nghề khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Cấu trúc Công ty

Danh sách công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	28 Hàng Ngang, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	20%	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)**

Danh sách các chi nhánh/địa điểm kinh doanh của Công ty:

Chi nhánh/Địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh (i)	Số 3B, Phố Chả Cá, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Nhà máy Sản xuất Bánh Mứt Kẹo (ii)	Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Số 10, phố Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Hà Nội
Cửa hàng Bán và Giới thiệu sản phẩm - Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội (ii)	Nhà liền kề E1, số 15 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Ghi chú:

- (i) Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo - Khách sạn Việt Linh là đơn vị hạch toán độc lập.
- (ii) Là các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được lập riêng cho Văn phòng Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Người sử dụng báo cáo tài chính này nên đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá xuất hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất, thuê nhà trả một lần và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước là tiền thuê đất, thuê nhà trả một lần được phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo thời gian thuê đất, thuê nhà.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Cùng công ty mẹ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	Chi nhánh hạch toán độc lập
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.169.425.396	950.222.233
Tiền gửi ngân hàng	4.401.789.627	6.808.341.389
Các khoản tương đương tiền (i)	6.000.000.000	17.000.000.000
Tổng	11.571.215.023	24.758.563.622

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,2%/năm đến 3,3%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	10.000.000.000	10.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	10.000.000.000	10.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 8%/năm đến 8,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.934.710.491	4.905.182.460
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	1.277.373.145
Đối tượng khác	3.657.337.346	3.627.809.315
b) Phải thu khách hàng là bên liên quan	3.000.009.603	2.819.868.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	3.000.009.603	2.819.868.000
Tổng	7.934.720.094	7.725.050.460

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	576.767.321	1.443.065.406
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ 3S	444.225.209	417.536.028
Chi nhánh Công ty Cổ phần Blueseed	-	424.616.500
Công ty Cổ phần Truyền thông Minh	-	502.300.000
Đối tượng khác	132.542.112	98.612.878

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.004.053.132	2.862.362.724	4.761.592.517	2.258.118.269
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	15.560.000	-	15.560.000	-
Tạm ứng	182.900.000	-	105.455.000	-
Tiền thuê đất - CN Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh (i)	4.066.470.216	2.862.362.724	3.890.621.252	2.258.118.269
Tiền thuê đất của các quầy khác (i)	99.332.604	-	119.673.624	-
Lãi dự thu	532.659.044	-	523.218.686	-
Phải thu khác	107.131.268	-	107.063.955	-
b) Dài hạn	45.000.000	-	40.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	45.000.000	-	40.000.000	-
Tổng	5.049.053.132	2.862.362.724	4.801.592.517	2.258.118.269

Ghi chú:

- (i) Phải thu tiền thuê đất Công ty đã nộp thay cho chi nhánh Khách sạn Việt Linh và một số quầy khác theo các thông báo thuê đất hàng năm của mảnh đất Chi nhánh và các quầy đang kinh doanh.

Phải thu tiền thuê đất Công ty đã nộp theo các thông báo thuê đất hàng năm của các mảnh đất mà Chi nhánh Khách sạn Việt Linh và các quầy đang kinh doanh, số tiền thuê đất đã nộp này Công ty sẽ thu hồi từ chi nhánh Khách sạn Việt Linh và các quầy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	-	1.277.373.145	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	7.066.479.819	2.279.014.295	6.710.489.252	2.785.112.983
Các đối tượng khác	2.130.531.728	-	2.130.531.728	-
Tổng	10.474.384.692	2.279.014.295	10.118.394.125	2.785.112.983

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.281.738.079	-	8.877.489.391	-
Công cụ, dụng cụ	674.850.604	-	271.597.908	-
Thành phẩm	1.407.815.759	-	12.076.870.120	-
Hàng hóa	3.783.268.687	-	3.085.110.980	-
Hàng gửi bán	218.474.908	-	520.065.332	-
Tổng	16.366.148.037	-	24.831.133.731	-

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nội địa	-	6.147.482.092	6.130.996.064	16.486.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp	286.461.991	706.427.837	292.630.186	700.259.642
Thuế thu nhập cá nhân	12.734.595	935.123.045	943.068.283	4.789.357
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.604.373.523	1.871.242.876	4.350.382.642	125.233.757
Các loại thuế khác	931.435.853	-	-	931.435.853
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.661.644	18.661.644	-
Tổng	3.835.005.962	9.678.937.494	11.735.738.819	1.778.204.637
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	139.691.206	139.691.206	-	-
Tổng	139.691.206	139.691.206	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	38.483.127.833	19.948.034.458	7.536.119.224	799.279.553	66.766.561.068
Mua trong năm	-	106.300.000	1.595.670.640	-	1.701.970.640
Số dư cuối năm	38.483.127.833	20.054.334.458	9.131.789.864	799.279.553	68.468.531.708
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư đầu năm	27.317.964.635	19.150.428.505	7.351.497.027	690.179.827	54.510.069.994
Khấu hao trong năm	2.081.647.924	311.778.348	58.757.351	28.437.372	2.480.620.995
Số dư cuối năm	29.399.612.559	19.462.206.853	7.410.254.378	718.617.199	56.990.690.989
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	11.165.163.198	797.605.953	184.622.197	109.099.726	12.256.491.074
Số dư cuối năm	9.083.515.274	592.127.605	1.721.535.486	80.662.354	11.477.840.719

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 31.850.984.438 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 29.758.778.772 VND).

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	600.000.000	(214.743.230)	600.000.000	(214.743.230)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2611/HDHTKD ngày 26 tháng 11 năm 2015, tỷ lệ vốn góp là 20%. Công ty chịu trách nhiệm hỗ trợ các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến hoạt động kinh doanh của pháp nhân mới, trợ giúp các thủ tục để pháp nhân mới trực tiếp ký hợp đồng thuê trụ sở với cơ quan, tổ chức hữu quan theo quy định của pháp luật và hợp đồng thuê nhà đất hiện hành, được hưởng 20% lợi nhuận sau thuế và được quyền thoái toàn bộ vốn góp nêu trên tại bất kỳ thời điểm nào mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của pháp nhân mới.

Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao nên chưa đánh giá và trích lập bổ sung (nếu có) dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty này. Số dự phòng đã trích lập là dựa trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán năm 2020 của Công ty này.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tại ngày cuối năm do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	410.627.234	454.734.589
Chi phí công cụ dụng cụ	196.815.900	324.214.589
Tiền thuê nhà	213.811.334	130.520.000
b) Dài hạn	10.930.991.909	11.203.459.627
Chi phí công cụ dụng cụ	1.148.557.326	995.383.606
Chi phí sửa chữa, cải tạo	68.131.995	190.029.841
Tiền thuê đất (i)	9.714.302.588	10.018.046.180
Cộng	11.341.619.143	11.658.194.216

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê trả một lần với diện tích 23.390 m2 đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Hà Nội theo Hợp đồng thuê lại đất số 09/HDTLD-HT ngày 28 tháng 9 năm 2007 và Phụ lục số 01 ngày 30 tháng 9 năm 2010, thời gian thuê từ ngày 30 tháng 01 năm 2008 đến ngày 13 tháng 01 năm 2056. Đơn giá thuê đất đã có cơ sở hạ tầng là 650.000 đồng/m2 áp dụng cho suốt thời gian thuê, tổng số tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê là 15.203.500.000 VND.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hồng Thờa	887.033.700	887.033.700	-	-
Công ty TNHH Bao bì Việt Thắng	522.039.168	522.039.168	906.407.520	906.407.520
Công ty TNHH Thương mại In bao bì Tuấn Bằng	229.182.000	229.182.000	1.098.131.350	1.098.131.350
Công ty TNHH Bánh mứt kẹo Đình Việt	223.516.800	223.516.800	1.155.733.600	1.155.733.600
Đối tượng khác	3.695.594.450	3.695.594.450	8.500.360.325	8.500.360.325
Tổng	5.557.366.118	5.557.366.118	11.660.632.795	11.660.632.795

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền thuê đất (i)	1.270.767.342	1.178.291.122
Tiền cổ tức	6.137.000	273.887.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	4.000.000	18.000.000
Công ty TNHH Một thành viên quản lý và phát triển nhà Hà Nội (ii)	1.126.244.705	1.126.244.705
Kinh phí công đoàn	128.402.586	336.540.595
Phải trả ngắn hạn khác	115.357.032	680.951.524
Tổng	2.650.908.665	3.613.914.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất là khoản chênh lệch tiền thuê đất theo đơn giá cũ và đơn giá mới đã thu bằng tiền của các cửa hàng kinh doanh nhưng chưa xác định phải nộp. Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan chức năng về đơn giá thuê đất này. Khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng, Công ty sẽ có các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền thuế đất đã nhận.
- (ii) Là khoản công nợ từ lâu liên quan đến chênh lệch đơn giá cũ và đơn giá mới của tiền thuê đất và tiền thuê nhà. Trước năm 2015, tiền thuê nhà và tiền thuê đất do Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội quản lý, tuy nhiên, sau 2015, có quy định mới, tiền thuê nhà nộp cho Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội, còn tiền thuê đất nộp cho cơ quan thuế. Công ty đang làm việc với cơ quan chức năng về khoản công nợ này, Công ty sẽ điều chỉnh cho phù hợp khi có quyết định chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	18.496.567.641	11.170.178.596	7.326.389.045	7.326.389.045
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	-	-	14.896.567.641	7.570.178.596	7.326.389.045	7.326.389.045
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Trung Hòa	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000	-	-

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	409.090.909	409.090.909
Doanh thu cho thuê nhà	409.090.909	409.090.909
b) Dài hạn	6.136.363.266	6.545.454.175
Doanh thu cho thuê nhà	6.136.363.266	6.545.454.175

Ghi chú:

Là số tiền thu theo Hợp đồng thuê nhà số 178/HĐKT ngày 01 tháng 11 năm 2007, Phụ lục Hợp đồng ngày 29 tháng 10 năm 2010 và Phụ lục số 2 ngày 22 tháng 02 năm 2012 và Hợp đồng thuê nhà ngày 27 tháng 4 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ đô về việc cho thuê toàn bộ khu nhà 36 Bát Đàn và 82 Hàng Gà trên lô đất có diện tích 294,62 m² để Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô cải tạo, xây dựng và nâng cấp tòa nhà thành một tòa nhà cao cấp phục vụ mục đích kinh doanh tổng hợp, cho thuê văn phòng; Thời hạn cho thuê là 40 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010; Giá thuê bao gồm thuế GTGT là 450 triệu VND/năm; Thanh toán tiền thuê 5 năm đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày căn nhà được bàn giao; Trả trước ngay một lần trong năm 2012 tiền thuê trong thời hạn 25 năm tiếp theo và được miễn tiền thuê trong thời hạn 10 năm sau cùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	17.500.000.000	13.581.227.440	13.834.208.207	44.915.435.647
Lãi trong năm	-	-	3.696.585.164	3.696.585.164
Phân phối lợi nhuận	-	-	(555.356.983)	(555.356.983)
Số dư đầu năm nay	17.500.000.000	13.581.227.440	16.975.436.388	48.056.663.828
Lãi trong năm	-	-	2.571.209.501	2.571.209.501
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(3.668.829.258)	(3.668.829.258)
Số dư cuối năm nay	17.500.000.000	13.581.227.440	15.877.816.631	46.959.044.071

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023. Theo đó, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền lần lượt là 343.829.258 VND và 3.325.000.000 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 17.500.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	8.925.000.000	51%	8.925.000.000	51%
Ông Đỗ Hoài Nam	2.699.700.000	15,43%	2.699.700.000	15,43%
Cổ đông khác	5.875.300.000	33,57%	5.875.300.000	33,57%
Cộng	17.500.000.000	100%	17.500.000.000	100%

Cổ phiếu

	Năm nay Cổ phần	Năm trước Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.750.000	1.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.750.000	1.750.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.750.000	1.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.750.000	1.750.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.750.000	1.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.031.325.997	130.059.418.724
Doanh thu bán sản phẩm	107.005.812.181	127.650.802.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.025.513.816	2.408.616.272
Các khoản giảm trừ doanh thu	665.145.288	1.178.214.824
<i>Trong đó</i>		
Hàng bán bị trả lại	665.145.288	1.178.214.824
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>108.366.180.709</u>	<u>128.881.203.900</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	65.129.386.543	77.394.315.965
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.288.268.469	1.223.367.295
Tổng	<u>66.417.655.012</u>	<u>78.617.683.260</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.452.660.366	62.287.972.124
Chi phí nhân công	30.593.787.323	35.912.484.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.480.620.995	2.626.391.039
Chi phí dự phòng	(267.910.745)	1.743.582.768
Thuế phí, lệ phí	489.809.812	451.031.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.451.845.496	7.906.718.556
Chi phí khác bằng tiền	18.322.675.949	20.744.885.000
Tổng	<u>96.523.489.196</u>	<u>131.673.066.073</u>

23. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.666.771.076	1.115.344.282
Tổng	<u>1.666.771.076</u>	<u>1.115.344.282</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	155.688.401	71.296.983
Tổng	<u>155.688.401</u>	<u>71.296.983</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	22.644.349.947	24.305.340.173
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng	245.203.523	85.339.522
Chi phí vận chuyển	1.093.185.577	1.147.305.799
Chi phí nhân công	4.731.639.810	4.587.052.110
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.828.557	36.212.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.907.206.618	4.693.052.198
Chi phí bằng tiền khác	12.639.285.862	13.756.377.657
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	17.704.624.254	21.313.689.798
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, đồ dùng	868.845.599	776.558.392
Chi phí nhân công	12.263.047.143	12.918.949.904
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.038.110	109.150.519
Chi phí dự phòng	(267.910.745)	1.743.582.768
Thuế, phí, lệ phí	286.635.619	330.467.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.600.363.266	1.343.390.943
Chi phí bằng tiền khác	2.903.605.262	4.091.590.245

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.277.637.338	4.878.636.635
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	254.501.851	1.031.620.723
- Cộng: Chi phí không được trừ	254.501.851	1.031.620.723
Thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	240.000.000	192.000.000
Phạt hành chính, phạt chậm nộp thuế đất	12.650.000	791.488.917
Chi phí khác	1.851.851	48.131.806
Thu nhập chịu thuế	3.532.139.189	5.910.257.358
Thu nhập tính thuế	3.532.139.189	5.910.257.358
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất thông thường	706.427.837	1.182.051.471
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	706.427.837	1.182.051.471

Ngoài khoản chi phí không được trừ nêu trên, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt nào khác so với lợi nhuận kế toán. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.571.209.501	3.696.585.164
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do dự kiến (i) trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	128.560.475	184.829.258
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông	2.442.649.026	3.511.755.906
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	1.750.000	1.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.396	2.007
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023:

- Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 184.829.258 VND.
- Năm 2023, Công ty dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tương ứng tối đa 128.560.475 VND.

28. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

- Công ty giao quyền kinh doanh độc lập cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh. Chi nhánh này tự chịu trách nhiệm nộp các nghĩa vụ thuế cho Ngân sách Nhà nước. Công ty chưa cộng hợp các số liệu của chi nhánh trong báo cáo tài chính của Công ty. Công ty có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế và pháp lý liên quan đến Chi nhánh này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 16, từ năm 2018, Công ty hạch toán tiền thuê đất vào giá vốn theo đơn giá cũ Công ty ký hợp đồng với các cơ quan chức năng. Đồng thời, tại một số địa điểm kinh doanh, chi nhánh khác của Công ty cũng có sự chênh lệch về tiền thuê đất và thuê nhà theo đơn giá mới. Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng về các đơn giá tiền thuê đất và thuê nhà này. Khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng, Công ty sẽ có các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản tiền thuê đất và thuê nhà đã nhận và thu bổ sung để nộp (nếu có) từ các cửa hàng kinh doanh khác và các điều chỉnh vào chi phí của Công ty (nếu có). Đến ngày lập báo cáo này, chưa có quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng về đơn giá thuê này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	7.326.389.045
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	11.571.215.023	24.758.563.622
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>46.959.044.071</u>	<u>48.056.663.828</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0%</u>	<u>0%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.571.215.023	24.758.563.622
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.365.170.150	6.636.427.241
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	11.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	385.256.770	385.256.770
Tổng	<u>27.321.641.943</u>	<u>42.780.247.633</u>

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công nợ tài chính		
Vay và nợ	-	7.326.389.045
Phải trả người bán, phải trả khác	8.208.274.783	15.274.547.741
Chi phí phải trả	1.813.324	1.652.397.133
Tổng	<u>8.210.088.107</u>	<u>24.253.333.919</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro về giá có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.571.215.023	-	-	11.571.215.023
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.320.170.150	45.000.000	-	5.365.170.150
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	385.256.770	-	385.256.770
Tổng	26.891.385.173	430.256.770	-	27.321.641.943
Tại ngày cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.208.274.783	-	-	8.208.274.783
Chi phí phải trả	1.813.324	-	-	1.813.324
Tổng	8.210.088.107	-	-	8.210.088.107
Chênh lệch thanh khoản thuần	18.681.297.066	430.256.770	-	19.111.553.836

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch chủ yếu với bên liên quan trong năm:

Ngoài số dư đã được trình bày tại Thuyết minh số 6, 8, 9, và 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, Công ty còn các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	724.226.420	758.115.828
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	425.583.273	543.832.363
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	298.643.147	214.283.465
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	614.368.164	306.290.050
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh	288.000.000	72.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	326.368.164	234.290.050
Mua hàng	127.509.813	134.409.647
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	127.509.813	134.409.647
Thanh toán tiền mua hàng	148.448.298	135.757.307
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	148.448.298	135.757.307
Trả cổ tức	1.963.500.000	892.500.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	1.963.500.000	892.500.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng


	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	912.000.000	1.032.500.000
Ông Trần Thanh Sơn	555.000.000	629.000.000
Ông Vương Trọng Tuấn	357.000.000	403.500.000
Thù lao và thu nhập từ cổ tức Hội đồng Quản trị	811.352.000	264.000.000
Ông Phạm Việt Hùng	72.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	48.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Quang Sơn	48.000.000	48.000.000
Bà Dương Ngọc Tuyết	57.690.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	48.719.000	48.000.000
Ông Đỗ Hoài Nam	536.943.000	-
Ông Nguyễn Thanh Tùng	-	36.000.000
Ông Lê Văn Đạt	-	24.000.000
Ban Kiểm soát	210.000.000	382.000.000
Ông Trịnh Văn Lành	162.000.000	334.000.000
Bà Mai Huyền Trang	24.000.000	24.000.000
Bà Chu Thị Thu Anh	24.000.000	24.000.000
Kế toán trưởng	345.000.000	353.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	345.000.000	353.000.000
Tổng	2.278.352.000	2.031.500.000


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo


31. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có thuê đất trả trước một lần theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BS762758 ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, và Công ty đã xây dựng cơ sở hạ tầng trên diện tích đất thuê này, trong đó không quy định rõ về nghĩa vụ hoàn nguyên khu đất thuê. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá là Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ trong tương lai khi hết hạn thuê đất liên quan đến tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu. Nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai như thỏa thuận với bên cho thuê đất hoặc Cơ quan chức năng ban hành các quy định pháp luật quy định về nghĩa vụ hoàn nguyên của bên đi thuê đất. Do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.


Nguyễn Thị Năm
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng




Trần Khanh Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024